



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 63

Ngày 25 tháng 09 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

31/08/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 2212/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch điều tra xã hội học xác định Chỉ số Cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	3
31/08/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 2213/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025	9
03/09/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 2222/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Sơn La	16
04/09/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 2228/QĐ-UBND bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.	20
06/09/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 2249/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 365-KH/TU ngày 24/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.	22

09/09/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 2279/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Sơn La.	39
09/09/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 2280/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được Luật giao.	57
10/09/2025	Quyết định của UBND tỉnh số 2297/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục địa điểm được tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức Hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026.	61
10/09/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 2299/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La.	65
11/09/2025	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 2307/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Sơn La.	71

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2212/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch điều tra xã hội học xác định Chỉ số Cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường;

Căn cứ Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quy định về tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số Cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 642/TTr-SNV ngày 29 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch điều tra xã hội học xác định Chỉ số Cải cách hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

(có Kế hoạch ban hành kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện Kế hoạch này và báo cáo kết quả với Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Điều tra xã hội học xác định Chỉ số Cải cách hành chính
năm 2025 của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2212/QĐ-UBND
ngày 31/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Điều tra xã hội học (*sau đây viết tắt là XHH*) nhằm đánh giá khoa học, khách quan, toàn diện việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (*sau đây viết tắt là CCHC*) của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường năm 2025.

Cung cấp thông tin kịp thời, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức, nâng cao hiệu quả thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị; đánh giá tác động của CCHC đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

Tổ chức điều tra XHH theo bộ câu hỏi điều tra đối với các đối tượng điều tra, bảo đảm khách quan, phù hợp với điều kiện thực tế.

Kết quả điều tra XHH sẽ là căn cứ cùng với việc tự đánh giá chấm điểm, kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) để xác định Chỉ số CCHC năm 2025 của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường theo quy định.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ SỐ LƯỢNG ĐIỀU TRA

1. Đối tượng

a) Cấp sở: tập thể lãnh đạo cấp sở; lãnh đạo và công chức, viên chức các phòng ban chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành.

b) Cấp xã

- Đại biểu HĐND các xã, phường.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND, lãnh đạo và công chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các xã, phường.

2. Phạm vi và số lượng điều tra

a) Đối với cấp sở: điều tra khảo sát **675** người.

- Khảo sát tại các sở, ban, ngành: 20 người x 15 sở, ban, ngành = 300 người.

Trong đó:

+ Tập thể lãnh đạo cấp sở: 03 người.

+ Lãnh đạo các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành: 05 người.

+ Công chức, viên chức các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành: 12 người.

- Khảo sát ý kiến của lãnh đạo UBND cấp xã và lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã về công tác CCHC của các sở, ban ngành: 05 người x 75 xã, phường = 375 người (*mỗi xã, phường 05 người, trong đó 02 lãnh đạo cấp xã, 03 lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã*).

b) Đối với cấp xã: điều tra khảo sát **1.245** người.

- Khảo sát tại mỗi xã, phường: 15 người x 75 xã, phường = 1.125 người.
Trong đó:

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 05 người.

+ Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã: 02 người.

+ Lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã: 03 người.

+ Công chức, viên chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã: 05 người.

- Khảo sát ý kiến của lãnh đạo cấp sở về công tác CCHC của UBND cấp xã: 08 người x 15 sở, ban, ngành = 120 người (*mỗi sở, ban, ngành 08 người, trong đó 03 lãnh đạo cấp sở, 05 lãnh đạo các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành*).

c) Tổng số mẫu điều tra chung: **1.920** phiếu.

III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

- Đánh giá sự năng động, quyết tâm của lãnh đạo trong công tác CCHC.

- Tác động của CCHC đến chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật do tỉnh, xã, phường ban hành; tổ chức bộ máy hành chính; quản lý, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; quản lý tài chính công; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

2. Phương pháp thu thập thông tin

Xây dựng mẫu phiếu điều tra XHH để các đối tượng điều tra trả lời, điền thông tin vào mẫu phiếu gửi qua zalo hoặc hòm thư điện tử cá nhân; đảm bảo thông tin chính xác, dễ hiểu, phù hợp với từng loại đối tượng điều tra; dễ thu thập thông tin, thuận lợi cho công tác tổng hợp, phân tích kết quả điều tra.

3. Xây dựng phiếu điều tra

- Căn cứ Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí và quy trình xác định Chỉ số Cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường năm 2025 để xây dựng bộ câu hỏi phù hợp cho công tác xác định Chỉ số CCHC, đảm bảo khách quan, trung thực, đánh giá đúng, thực chất việc tổ chức triển khai thực hiện công tác CCHC của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

- Phiếu điều tra XHH có bố cục và nội dung như sau:

+ Phần thông tin chung, gồm thông tin cá nhân/tổ chức.

+ Phần câu hỏi, gồm: các câu hỏi về đánh giá sự năng động, quyết tâm của lãnh đạo trong công tác CCHC; đánh giá tác động của cải cách đến chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật do tỉnh, xã, phường ban hành; chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; quản lý tài chính công; chất lượng cung cấp thông tin điện tử.

4. Phương thức điều tra xã hội học và xử lý phiếu điều tra xã hội học

- Phương thức điều tra XHH xác định chỉ số CCHC thực hiện thông qua phiếu điều tra khảo sát gửi qua zalo hoặc hòm thư điện tử cá nhân của từng đối tượng điều tra tại khoản 1 Mục II của Kế hoạch này. Các đối tượng trực tiếp trả lời phiếu khảo sát trên các thiết bị cá nhân (máy tính, điện thoại...).

- Phần mềm điều tra cập nhật dữ liệu; thống kê, phân tích, tổng hợp số liệu, các thông tin được đánh giá tại phiếu điều tra.

- Giám sát quá trình triển khai kế hoạch; việc thống kê, phân tích, tổng hợp số liệu điều tra XHH để bảo đảm tính chính xác, khách quan, công khai, minh bạch.

5. Báo cáo kết quả điều tra xã hội học

Trên cơ sở triển khai điều tra XHH, kết quả tổng hợp, phân tích, tính toán các chỉ số để xây dựng báo cáo kết quả điều tra XHH, tổng hợp, xác định Chỉ số CCHC đối với từng sở, ban, ngành, UBND các xã, phường năm 2025.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

- Tháng 9,10 năm 2025: lập danh sách đối tượng điều tra XHH; xây dựng và cập nhật lên phần mềm dữ liệu thông tin đối tượng điều tra, các mẫu phiếu điều tra.

- Tháng 11 năm 2025: tổ chức tiến hành điều tra khảo sát.

- Tháng 11, 12 năm 2025: giám sát việc điều tra XHH; thống kê, phân tích, tổng hợp số liệu, các thông tin được đánh giá trong phiếu khảo sát; giám sát việc tổng hợp phân tích dữ liệu điều tra XHH.

- Tháng 12 năm 2025: tích hợp kết quả điều tra XHH trên phần mềm để xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị.

2. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện điều tra XHH được sử dụng trong nguồn kinh phí hoạt động CCHC năm 2025 đã giao về Sở Nội vụ (theo Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, giao dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 của các cơ quan đơn vị khi sắp xếp, tổ chức bộ máy).

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai thực hiện việc điều tra XHH thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Tổ chức thực hiện

a) Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai kế hoạch điều tra XHH xác định Chỉ số CCHC năm 2025 của các cơ quan, đơn vị; ban hành các văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai việc điều tra XHH xác định Chỉ số CCHC trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị.

- Phối hợp với Sở Tài chính đề xuất cụ thể việc sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện điều tra XHH theo quy định.

- Xây dựng mẫu điều tra, bộ câu hỏi điều tra; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lựa chọn đối tượng điều tra; xây dựng nâng cấp phần mềm xác định Chỉ số CCHC, khảo sát trực tuyến.

- Kiểm tra, giám sát và tổng hợp phiếu, xử lý kết quả điều tra XHH phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2025, báo cáo kết quả điều tra với Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Sở Tài chính: hướng dẫn Sở Nội vụ thực hiện thanh, quyết toán kinh phí điều tra XHH theo quy định.

c) Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

- Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện kế hoạch điều tra XHH xác định Chỉ số CCHC năm 2025 của các cơ quan, đơn vị.

- Lập danh sách đối tượng điều tra XHH và nhập danh sách lên phần mềm theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Cử 01 công chức làm đầu mối để phối hợp với Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc tiến độ trả lời phiếu của các đối tượng điều tra XHH tại cơ quan, đơn vị mình.

- Tuyên truyền, quán triệt, phổ biến cho cán bộ, công chức hiểu rõ về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung điều tra XHH.

d) Các đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Nội vụ triển khai kế hoạch điều tra XHH xác định Chỉ số CCHC năm 2025 của các cơ quan, đơn vị đảm bảo chất lượng, tiến độ.

đ) Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La, các cơ quan thông tin, báo đài trên địa bàn tỉnh: thực hiện thông tin, tuyên truyền đến các tổ chức, cá nhân trong việc điều tra XHH, để xác định Chỉ số CCHC năm 2025 của các cơ quan, đơn vị.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời (*qua Sở Nội vụ*) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo, giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2213/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-BNV ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 642/TTr-SNV ngày 29 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025.

(có Kế hoạch ban hành kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện Kế hoạch này và báo cáo kết quả với Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2213/QĐ-UBND
ngày 31/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là *đo lường sự hài lòng quy mô cấp tỉnh*) nhằm đánh giá khách quan chất lượng phục vụ người dân của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Cung cấp thông tin giúp các cơ quan hành chính nhà nước có cơ sở tham khảo để xây dựng, thực hiện kế hoạch, giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ và cung ứng dịch vụ hành chính công. Tạo điều kiện, cơ hội để người dân tham gia giám sát, phản hồi ý kiến, góp ý đối với hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai đo lường, xác định Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây viết tắt là *SIPAS*) phản ánh khách quan, chính xác kết quả đánh giá của người dân, tổ chức về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thông qua việc cung cấp các dịch vụ hành chính công cụ thể.

- Phương pháp đo lường khoa học, hiện đại, khả thi, dễ áp dụng, đạt mục tiêu đề ra; đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

- Kết quả Chỉ số SIPAS được công bố kịp thời, rộng rãi giúp các cơ quan hành chính nhà nước xác định được các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng phục vụ, nâng cao sự hài lòng của người dân.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, QUY MÔ ĐIỀU TRA

1. Đối tượng điều tra xã hội học

- Xin ý kiến người dân, người đại diện cho tổ chức đã giao dịch và nhận kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công tại các cơ quan, đơn vị trong khoảng thời gian tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 đến thời điểm tiến hành điều tra xã hội học.

- Đối với cơ quan không cung ứng dịch vụ hành chính công, cơ quan không phát sinh hồ sơ TTHC, cơ quan có dưới 60 lượt người tham gia giải quyết TTHC: thì thực hiện điều tra tất cả đối với tổ chức, cá nhân tham gia giải quyết TTHC và xin ý kiến người đại diện cho tổ chức (tại các sở, ban, ngành; UBND

các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh) có liên hệ công tác trong khoảng thời gian tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 đến thời điểm tiến hành điều tra xã hội học.

2. Phạm vi

Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Quy mô điều tra

a) Cấp sở: khảo sát 60 phiếu tại mỗi sở, ban, ngành.

b) Cấp xã: khảo sát 40 phiếu tại mỗi UBND xã, phường.

III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

1. Chọn mẫu điều tra xã hội học

a) Chọn lĩnh vực dịch vụ

* Đối với các sở, ban, ngành:

- Mỗi cơ quan, đơn vị chọn 02 lĩnh vực/dịch vụ có nhiều giao dịch của người dân và tổ chức (*trường hợp không đủ mẫu điều tra, đơn vị có thể chọn thêm các lĩnh vực/dịch vụ khác của đơn vị*).

- Đối với cơ quan không cung ứng dịch vụ hành chính công, cơ quan không phát sinh hồ sơ TTHC, cơ quan có phát sinh dưới 60 hồ sơ TTHC thì thực hiện chọn tất cả các mẫu điều tra và chọn thêm mẫu điều tra là người đại diện cho tổ chức (*tại các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh*) có liên hệ công tác trong khoảng thời gian tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 đến thời điểm tiến hành điều tra xã hội học (*tổng mẫu phiếu điều tra không quá 60 phiếu tại mỗi cơ quan, đơn vị*).

* Đối với UBND các xã, phường:

- Điều tra các lĩnh vực/dịch vụ: Tư pháp - Hộ tịch; Tài nguyên môi trường; Lao động, thương binh xã hội.

b) Lập danh sách đối tượng điều tra xã hội học

Trên cơ sở dữ liệu tại Trung tâm phục vụ Hành chính cấp tỉnh, cấp xã, lập danh sách tất cả người dân, người đại diện tổ chức thuộc lĩnh vực điều tra xã hội học. Danh sách mẫu điều tra xã hội học phải được xếp theo vần abc theo từng lĩnh vực/dịch vụ, đảm bảo đầy đủ thông tin địa chỉ, số điện thoại của đối tượng điều tra.

Lưu ý: những người không thuộc đối tượng điều tra xã hội học bao gồm người dân, người đại diện tổ chức đã phát sinh giao dịch nhưng chưa được nhận kết quả; người dân, tổ chức đã giao dịch nhưng có địa chỉ ngoài tỉnh.

2. Phiếu điều tra xã hội học

a) Đối với các cơ quan, đơn vị có cung ứng dịch vụ hành chính công

- Phiếu điều tra xã hội học gồm hai loại: phiếu áp dụng đối với người dân và phiếu áp dụng đối với tổ chức.

- Phiếu điều tra xã hội học có bố cục và nội dung như sau:

+ Phần thông tin chung, gồm: mục đích của điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng quy mô cấp tỉnh; hướng dẫn cách trả lời các câu hỏi; thông tin cá nhân người dân/tổ chức.

+ Phần câu hỏi, gồm: các câu hỏi về quá trình giao dịch và kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công của cơ quan hành chính nhà nước; các câu hỏi về mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công của cơ quan hành chính nhà nước; câu hỏi về sự mong đợi của người dân, tổ chức đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công của cơ quan hành chính nhà nước.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị không cung ứng dịch vụ hành chính công, không phát sinh hồ sơ hoặc phát sinh dưới 60 hồ sơ, phiếu điều tra có bố cục và nội dung như sau:

- Phần thông tin chung, gồm: mục đích của điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng quy mô cấp tỉnh; hướng dẫn cách trả lời các câu hỏi; thông tin cá nhân người dân/tổ chức.

- Phần câu hỏi, gồm: các câu hỏi về mức độ hài lòng của tổ chức đối với việc phối hợp, xử lý công việc của công chức; việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; sự mong muốn của các tổ chức đối với việc nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan, đơn vị.

3. Phương thức điều tra xã hội học và xử lý phiếu điều tra xã hội học

- Phương thức điều tra xã hội học: phát phiếu điều tra xã hội học trực tiếp đến người dân, tổ chức để trả lời.

- Hợp đồng với Bưu điện tỉnh Sơn La để triển khai điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng: lựa chọn đội ngũ điều tra viên, cộng tác viên trực thuộc Bưu điện tỉnh Sơn La trực tiếp triển khai công tác điều tra xã hội học (*phát, thu phiếu, thanh toán tiền trả lời phiếu điều tra xã hội học của người dân, tổ chức được điều tra*).

- Hợp đồng với đơn vị chuyên môn nhập dữ liệu từ phiếu điều tra lên phần mềm; thống kê, phân tích, tổng hợp số liệu, các thông tin được đánh giá trong phiếu điều tra.

- Giám sát quá trình triển khai kế hoạch đo lường sự hài lòng, việc phát, thu phiếu; việc nhập dữ liệu, thống kê, phân tích, tổng hợp số liệu điều tra xã hội học để bảo đảm tính chính xác, khách quan, công khai, minh bạch.

4. Thời gian thực hiện

- Tháng 9 năm 2025: ký kết Hợp đồng triển khai Kế hoạch đo lường sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 giữa Sở Nội vụ với Bưu điện tỉnh Sơn La. Lập

danh sách tổng thể N của mỗi dịch vụ; chọn mẫu điều tra xã hội học chính thức, dự phòng của mỗi cơ quan. Lập danh sách điều tra viên, cộng tác viên. Xây dựng và in các Mẫu phiếu điều tra. Tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ điều tra viên, cộng tác viên.

- Tháng 10 năm 2025: tổ chức tiến hành khảo sát đo lường sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025.

- Tháng 10, 11 năm 2025: giám sát, phúc tra việc điều tra xã hội học. Ký kết Hợp đồng triển khai Kế hoạch đo lường sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 giữa Sở Nội vụ, với đơn vị nhập dữ liệu từ phiếu điều tra lên phần mềm. Làm sạch phiếu điều tra; tiến hành nhập dữ liệu từ phiếu điều tra lên phần mềm thống kê, phân tích, tổng hợp số liệu, các thông tin được đánh giá trong phiếu khảo sát. Giám sát việc nhập dữ liệu, tổng hợp phân tích dữ liệu điều tra xã hội học.

- Tháng 12 năm 2025: xây dựng Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025.

- Quý I năm 2026: công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025; đánh giá, rút kinh nghiệm; đề xuất các giải pháp hoàn thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ công.

5. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí Đề án Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2025 tỉnh Sơn La (theo Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, giao dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 của các cơ quan đơn vị khi sắp xếp, tổ chức bộ máy).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai kế hoạch đo lường sự hài lòng.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường lập danh sách tất cả người dân, người đại diện tổ chức thuộc đối tượng điều tra xã hội học; hướng dẫn việc chọn mẫu điều tra xã hội học.

- Xây dựng Phiếu điều tra xã hội học; cung cấp đầu mối liên lạc, thông tin về quá trình và kết quả chọn mẫu điều tra xã hội học để Bưu điện tỉnh triển khai phát, thu phiếu điều tra xã hội học.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh giám sát việc nhập dữ liệu, tổng hợp phân tích dữ liệu điều tra xã hội học; việc thanh toán tiền trả lời phiếu điều tra xã hội

học cho người dân, người đại diện tổ chức do điều tra viên thực hiện và phúc tra kết quả điều tra xã hội học; thông tin, tuyên truyền về việc triển khai đo lường sự hài lòng và kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025.

- Hợp đồng với các đơn vị để triển khai khảo sát điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng quy mô cấp tỉnh; nhập dữ liệu, tổng hợp phân tích dữ liệu điều tra xã hội học.

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả đo lường sự hài lòng và tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025.

2. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh

Phối hợp với Sở Nội vụ giám sát quá trình phát, thu phiếu điều tra xã hội học; việc thanh toán tiền trả lời phiếu điều tra xã hội học cho người dân, người đại diện tổ chức do điều tra viên thực hiện và phúc tra kết quả điều tra xã hội học (*20% số lượng người dân, tổ chức trong danh sách điều tra thông qua hình thức gọi điện thoại trực tiếp*).

- Thông tin, tuyên truyền về việc triển khai đo lường sự hài lòng và kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025.

3. Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã

- Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện kế hoạch đo lường sự hài lòng năm 2025.
- Lập danh sách mẫu điều tra xã hội học theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.
- Hỗ trợ các điều tra viên trong quá trình tiến hành khảo sát tại cơ quan, đơn vị (*khi điều tra viên có yêu cầu*).
- Cử 01 công chức làm đầu mối liên lạc trong quá trình tiến hành việc khảo sát đo lường sự hài lòng tại địa phương.

4. Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La, các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh

Tăng cường tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc khảo sát, đo lường sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; trách nhiệm, quyền lợi của cá nhân, tổ chức trong việc cung cấp thông tin, tham gia điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng; trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong tham gia triển khai đo lường sự hài lòng trên các chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời (*qua Sở Nội vụ*) để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo, giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2222/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 1742/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai, thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 263/TTr-SKHCCN ngày 27 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Kèm theo Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 1742/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai, thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là Luật) trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, có hiệu quả giữa các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong triển khai thi hành Luật.
- Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong triển khai thi hành Luật, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả.
- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, UBND các xã, phường trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật trên phạm vi cả tỉnh.
- Nâng cao nhận thức về Luật và trách nhiệm của các sở, ngành, UBND các xã, phường và Nhân dân trong việc thi hành Luật.
- Bảo đảm việc tổ chức triển khai hiệu quả các nội dung mới trong Luật, đặc biệt là phân loại mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa; ứng dụng công nghệ số trong quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

2. Yêu cầu

- Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm, vai trò của cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì trong phối hợp với các sở, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức liên quan trong triển khai thi hành Luật.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Luật.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Biên soạn tài liệu, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về nội dung Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Sơn La, các sở, ngành, UBND các xã, phường.

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2025 và các năm tiếp theo.

2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật

- Nội dung: rà soát văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh có liên quan đến Luật thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Luật.

- Cơ quan thực hiện: các sở, ban, ngành.

- Thời gian thực hiện: Trong tháng 9 năm 2025.

3. Tham gia góp ý kiến vào dự thảo các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật (*bao gồm: Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định về nhãn hàng hóa*)

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: các sở, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: theo tiến độ xây dựng dự thảo văn bản của cơ quan chủ trì soạn thảo.

4. Phối hợp kiểm tra việc thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: các sở, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026 và các năm tiếp theo.

5. Tổ chức các nội dung hỗ trợ thi hành Luật theo quy định pháp luật

- Các nội dung hỗ trợ thi hành Luật bao gồm:

+ Hướng dẫn áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật;

+ Tổ chức tiếp nhận và xử lý các kiến nghị, đề xuất của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện Luật và các văn bản hướng dẫn;

+ Tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan;

+ Bảo đảm các điều kiện thi hành theo quy định tại Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Cơ quan thực hiện: các sở quản lý ngành, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ quản lý của từng sở, cơ quan.

III. KINH PHÍ BẢO ĐẢM

1. Kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm của các sở, cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Trong đó, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí riêng cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số, phục vụ triển khai quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định của Luật.

2. Đối với các nhiệm vụ triển khai trong năm 2025, các sở, cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường chủ động bố trí trong nguồn ngân sách nhà nước được giao năm 2025 để triển khai thực hiện; bố trí kinh phí cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong năm đầu thực thi.

3. Sở Tài chính chủ trì tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các sở, ngành, UBND các xã, phường để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư công.

4. Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND tỉnh dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, UBND các xã, phường triển khai thực hiện nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện hằng năm theo quy định; đề xuất biểu dương, khen thưởng theo quy định pháp luật các sản phẩm truyền thông có giá trị tuyên truyền cao, có sức lan tỏa xã hội, góp phần đưa Luật vào cuộc sống hiệu quả.

2. Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan để làm rõ, thống nhất hướng dẫn thực hiện. Trường hợp vượt quá thẩm quyền, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2228/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020
của UBND tỉnh phân cấp phê duyệt hồ trợ liên kết sản xuất
và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 935/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh phân cấp phê duyệt hồ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Lý do: Không còn đối tượng áp dụng khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2249/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 06 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 365-KH/TU ngày 24/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 153-KL/TW ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; Kết luận số 184-KL/TW ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Kết luận số 153-KL/TW ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Căn cứ Chỉ thị số 52-CT/TU ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Căn cứ Kế hoạch số 365-KH/TU ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 650/TTr-SNV ngày 31 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai, thực hiện Kế hoạch số 365-KH/TU ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Bộ

Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 365-KH/TU ngày 24/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031
(Kèm theo Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 06/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chỉ đạo việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 365-KH/TU ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo đúng quy định; Chỉ thị số 52-CT/TU ngày 24 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị các cấp trong tỉnh chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang và Nhân dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Từ đó phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong việc lựa chọn, giới thiệu và bầu ra những đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp đủ tiêu chuẩn, số lượng theo quy định.

3. Quá trình chuẩn bị, tổ chức bầu cử phải thực sự dân chủ, đúng pháp luật, an toàn và tiết kiệm, thực sự là ngày Hội của toàn dân, tạo điều kiện thuận lợi để mỗi công dân được thực hiện đầy đủ quyền ứng cử, bầu cử theo quy định của pháp luật.

4. Đảm bảo tỷ lệ cử tri đi bầu đạt cao nhất, bầu đủ số lượng đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp theo quy định của pháp luật; đại biểu được bầu có chất lượng với cơ cấu hợp lý, đảm bảo sự đồng bộ trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ trong hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và chính quyền các cấp trong tỉnh.

5. Phân công cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức để chủ động triển khai thực hiện.

II. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031

a) Cơ quan chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng bầu cử Quốc gia và cấp có thẩm quyền.

2. Tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai công tác bầu cử, các văn bản quy định về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Trung ương và của tỉnh

a) Cơ quan chủ trì: Sở Nội vụ hoặc Ủy ban bầu cử tỉnh.

b) Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh; UBND các xã, phường; các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Sau khi có văn bản của Hội đồng bầu cử quốc gia và cấp có thẩm quyền khác.

3. Thành lập các tổ chức bầu cử ở địa phương

a) Cơ quan chủ trì

- UBND tỉnh thành lập các tổ chức: Ủy ban bầu cử tỉnh, Ban Bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban Bầu cử đại biểu HĐND tỉnh (*quy định tại Điều 22, 24, 25 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi tại khoản 6, 7, 8 Điều 1 Luật năm 2025*);

- UBND các xã, phường thành lập các tổ chức: Ủy ban bầu cử xã, phường; Ban Bầu cử đại biểu HĐND xã, phường và Tổ bầu cử (*quy định tại Điều 22, 24, 25 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi tại khoản 6, 7, 8 Điều 1 Luật năm 2025*).

b) Cơ quan phối hợp

- Đối với việc thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh; Ban Bầu cử đại biểu Quốc hội; Ban Bầu cử đại biểu HĐND tỉnh gồm: Thường trực HĐND tỉnh; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; các tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và một số cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Đối với việc thành lập Ủy ban bầu cử xã, phường; Ban Bầu cử đại biểu HĐND xã; Tổ bầu cử gồm: Thường trực HĐND xã, phường; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường; các tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và đại diện cử tri ở địa phương.

c) Thời gian thực hiện

- Ủy ban bầu cử tỉnh; Ủy ban bầu cử xã, phường được thành lập chậm nhất 105 ngày trước ngày bầu cử (*tức ngày 30 tháng 11 năm 2025*), hoàn thành trước ngày 27 tháng 11 năm 2025;

- Ban Bầu cử đại biểu Quốc hội; Ban Bầu cử đại biểu HĐND tỉnh, Ban bầu cử đại biểu HĐND xã được thành lập chậm nhất 70 ngày trước ngày bầu cử (*tức ngày 04 tháng 01 tháng 2026*), hoàn thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2026;

- Tổ bầu cử: được thành lập chậm nhất 43 ngày trước ngày bầu cử (*tức ngày 30 tháng 01 năm 2026*), hoàn thành trước ngày 25 tháng 01 năm 2026.

4. Công bố số lượng, danh sách các đơn vị và số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử

a) Cơ quan chủ trì

- Ủy ban bầu cử tỉnh thông báo số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định (*quy định tại Điều 10 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Luật năm 2025*);

- Ủy ban bầu cử tỉnh ấn định và công bố số đơn vị bầu cử đại biểu HĐND tỉnh; danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử theo đề nghị của UBND tỉnh (*quy định tại Điều 10 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Luật năm 2025*);

- Ủy ban bầu cử các xã, phường ấn định và công bố số đơn vị bầu cử đại biểu HĐND xã, phường; danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử theo đề nghị của UBND các xã, phường (*quy định tại Điều 10 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Luật năm 2025*).

b) Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Chậm nhất trước 80 ngày trước ngày bầu cử (*tức ngày 25 tháng 12 năm 2025*).

5. Việc ứng cử, hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND

Việc ứng cử, hiệp thương, giới thiệu, lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 thực hiện theo quy định tại Chương V Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Luật năm 2025*); các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (UBMTTQ) Việt Nam các cấp và các quy định khác của pháp luật.

6. Hồ sơ ứng cử và thời gian nộp hồ sơ người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và HĐND các cấp

a) Hồ sơ ứng cử: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 35 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015.

b) Nộp hồ sơ ứng cử

- Việc nộp hồ sơ ứng cử của người ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 cụ thể như sau:

+ Đối với những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử nộp hai bộ hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia;

+ Đối với những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở tỉnh Sơn La giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử nộp hai bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử tỉnh.

- Việc nộp hồ sơ ứng cử của người ứng cử đại biểu HĐND các cấp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 36 cụ thể như sau:

+ Người tự ứng cử người được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND tỉnh phải tự hoàn thiện và nộp một bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử tỉnh;

+ Người tự ứng cử người được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND cấp xã phải tự hoàn thiện và nộp một bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử cấp xã.

Người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND của địa phương nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở địa phương đó.

- Công dân được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu HĐND tối đa ở hai cấp trong cùng một nhiệm kỳ; nếu nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội thì chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu HĐND ở một cấp.

c) Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

d) Thời gian thực hiện: Chậm nhất trước 42 ngày trước ngày bầu cử (*tức ngày 01 tháng 02 năm /2026*).

7. Việc chia khu vực bỏ phiếu

a) Thẩm quyền, quy trình: Việc xác định khu vực bỏ phiếu do UBND cấp xã quyết định và báo cáo UBND cấp tỉnh. Trường hợp cần thiết, UBND cấp tỉnh điều chỉnh việc xác định khu vực bỏ phiếu. Việc xác định khu vực bỏ phiếu được thực hiện trước khi thành lập Tổ bầu cử.

b) Nguyên tắc phân chia khu vực bỏ phiếu

- Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu HĐND chia thành các khu vực bỏ phiếu. Khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội đồng thời là khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu HĐND các cấp.

- Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến bốn nghìn cử tri. Ở miền núi và những nơi dân cư không tập trung thì dù chưa có đủ ba trăm cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu.

- Các trường hợp có thể thành lập khu vực bỏ phiếu riêng: Đơn vị vũ trang nhân dân; Bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ năm mươi cử tri trở lên; Cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam.

* **Lưu ý:** Việc phân chia khu vực bỏ phiếu cần thuận tiện cho nhân dân tham gia bầu cử. Khu vực bỏ phiếu cần đảm bảo số lượng cử tri, hạn chế tối đa việc chia nhỏ nhiều khu vực bỏ phiếu trong một đơn vị bầu cử; không nhất thiết mỗi tổ, bản thành một khu vực bỏ phiếu.

8. Lập và niêm yết danh sách cử tri (quy định tại Điều 31 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Luật năm 2025 và Điều 32 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015).

a) Cơ quan chủ trì

- Danh sách cử tri do UBND cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu;

- Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do chỉ huy đơn vị lập theo đơn vị vũ trang nhân dân để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đơn vị đóng quân. Quân nhân có hộ khẩu thường trú ở địa phương gần khu vực đóng quân có thể được chỉ huy đơn vị cấp giấy chứng nhận để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Khi cấp giấy chứng nhận, chỉ huy đơn vị phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân bên cạnh tên người đó cụm từ “*Bỏ phiếu ở nơi cư trú*”;

- Danh sách cử tri được đánh máy và niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.

b) Cơ quan phối hợp: Công an xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất trước 40 ngày trước ngày bầu cử (tức ngày 03 tháng 02 năm 2026).

9. Hội nghị hiệp thương

Việc tổ chức các hội nghị hiệp thương và gửi biên bản kết quả hiệp thương, kèm theo danh sách do Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh hướng dẫn và triển khai thực hiện.

10. Xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, lập danh sách những người ứng cử đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp

10.1. Xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp

a) Cơ quan chủ trì

- Xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội: Thực hiện theo quy định tại Điều 46 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi tại điểm e khoản 23 Điều 1 Luật năm 2025;

- Xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh, các xã, phường: Thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi tại điểm e khoản 23 Điều 1 Luật năm 2025.

b) Cơ quan phối hợp

- Đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội: Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam; Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam cấp tỉnh; Ủy ban bầu cử tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Đối với người ứng cử đại biểu HĐND các cấp: Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam cấp tỉnh; Ủy ban bầu cử tỉnh; Ủy ban bầu cử các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Chậm nhất trước 35 ngày trước ngày bầu cử (*tức ngày 08 tháng 02 năm 2026*).

10.2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, lập danh sách những người ứng cử đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp

a) Cơ quan chủ trì

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015;

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện

Sau khi cơ quan có thẩm quyền lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND tỉnh, xã hoặc phường đến trước 10 ngày trước ngày bầu cử (*tức ngày 04 tháng 3 năm 2026*) theo quy định khoản 2 Điều 61 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015.

11. Nhận, phân phối tài liệu và phiếu bầu cử cho các ban bầu cử

Sở Nội vụ (*cơ quan thường trực UBBC tỉnh*) có trách nhiệm phân phối các tài liệu có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 cho các Ban bầu cử, UBND các xã, phường kịp thời để phân phối tới các Tổ bầu cử.

12. Công bố và niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp

12.1. Công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp.

a) Cơ quan chủ trì

- Ủy ban bầu cử tỉnh công bố danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh Sơn La theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia (*quy định tại khoản 7 Điều 57 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi tại điểm k khoản 23 Điều 1 Luật năm 2025*).

- Ủy ban bầu cử tỉnh; Ủy ban bầu cử xã, phường: Lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh; danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu HĐND xã, phường theo từng đơn vị bầu cử (*quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi tại khoản 19 Điều 1 Luật năm 2025*).

b) Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh; UBND xã, phường; Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện

- Ủy ban bầu cử tỉnh công bố danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh Sơn La theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia. Chậm nhất trước 16 ngày trước ngày bầu cử (*tức ngày 27 tháng 02 năm 2026*);

- Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử xã, phường lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu HĐND theo từng đơn vị bầu cử. Chậm nhất trước 17 ngày trước ngày bầu cử (*tức ngày 26 tháng 02 năm 2026*).

12.2. Niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp

a) Cơ quan chủ trì: Tổ bầu cử (*quy định tại Điều 59 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi tại điểm k khoản 23 Điều 1 Luật năm 2025*);

b) Cơ quan phối hợp: UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Chậm nhất trước 16 ngày trước ngày bầu cử (*tức ngày 27 tháng 02 năm 2026*).

13. Công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trước trong và sau ngày bầu cử

Quá trình chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử phải đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững trật tự, an toàn xã hội. Đảm bảo an ninh trật tự trong cuộc vận động bầu cử, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại các địa điểm, khu vực bỏ phiếu. Các đơn vị lực lượng vũ trang xây dựng chi tiết kế hoạch công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, phương án phòng chống dịch bệnh, thiên tai,... trong và sau cuộc bầu cử.

Tiến hành các đợt kiểm tra về tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội, trong đó chú ý đến các địa bàn trọng điểm, những điểm nóng, dễ xảy ra mất ổn định.

a) Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh.

b) Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; UBND các xã, phường; Công an các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: trước, trong và sau ngày bầu cử theo chỉ đạo của Bộ Công an và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

14. Kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu HĐND các cấp

Ban Bầu cử đại biểu Quốc hội, các Ban bầu cử đại biểu HĐND tỉnh và thành viên Ủy ban bầu cử tỉnh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công; chức năng, nhiệm vụ của ngành phụ trách chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đôn đốc công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

15. Ngày bầu cử: Ngày 15 tháng 3 năm 2026

a) Cơ quan, tổ chức chủ trì: Các Tổ bầu cử (*quy định tại Điều 71 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015*).

- Giờ khai mạc được tiến hành trước giờ bỏ phiếu. Ở mỗi khu vực phải vận động một số cử tri, trong đó có những cử tri tiêu biểu ở khu vực đến dự khai mạc để giờ khai mạc bầu cử được trọng thể; chuẩn bị ít nhất 2 cử tri không phải là người ứng cử hoặc người nhà của ứng cử viên và có uy tín với nhân dân đến chứng kiến Tổ bầu cử kiểm tra hòm phiếu trước khi bỏ phiếu;

- Trước khi bỏ phiếu, tổ bầu cử phải kiểm tra hòm bỏ phiếu trước sự chứng kiến của đại diện cử tri;

- Tổ chức bỏ phiếu bầu cử: Từ bảy giờ sáng (07h00') đến bảy giờ tối cùng ngày (19h00'), có thể quyết định cho bắt đầu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng (05h00') hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối (21h00') cùng ngày;

- Hướng dẫn cử tri tiến hành bỏ phiếu;

- Kịp thời chuyển biên bản kiểm phiếu về Ban bầu cử, UBND, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam xã. Quá trình bầu cử và kiểm phiếu nếu có khiếu nại thì tổ bầu cử phải ghi vào biên bản và báo cáo Ban bầu cử về ý kiến giải quyết của Tổ bầu cử.

b) Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh; UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; các sở ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

16. Công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử

a) Cơ quan chủ trì: Ủy ban bầu cử tỉnh; Ủy ban bầu cử xã, phường (*quy định Điều 86 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015*).

b) Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh, xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Chậm nhất 10 ngày sau ngày bầu cử (tức ngày 25 tháng 3 năm 2026).

17. Kinh phí, tài liệu, con dấu của các tổ chức bầu cử

a) Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các tổ chức, cơ quan quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả. Đồng thời cần sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được (nếu có) và huy động các phương tiện đang được trang bị ở các đơn vị phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử để tiết kiệm cho ngân sách nhà nước. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử được đảm bảo từ nguồn ngân sách trung ương, bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước các cấp.

b) Tài liệu, con dấu của các tổ chức bầu cử

- Tài liệu, thẻ cử tri, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho thành viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, danh sách và tiểu sử tóm tắt những người ứng cử và phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu HĐND tỉnh; các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử; các biên bản liên quan đến bầu cử; các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh, khắc dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và HĐND các cấp do Sở Nội vụ chịu trách nhiệm chuẩn bị theo mẫu quy định;

- Việc in danh sách, tiểu sử tóm tắt những người ứng cử, danh sách chính thức những người ứng cử tại mỗi đơn vị bầu cử và phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp xã, nhiệm kỳ 2026 - 2031; lập và in danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu do UBND cấp xã chủ động liên hệ các cơ sở in ấn nhằm đảm bảo nhanh chóng, chính xác, đầy đủ và tiết kiệm. Mẫu phiếu bầu cử đại biểu HĐND các xã, phường mẫu và kích cỡ danh sách cử tri,... do Sở Nội vụ hướng dẫn.

18. Tổng kết cuộc bầu cử

a) Cơ quan chủ trì: Ủy ban bầu cử tỉnh

b) Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh; cơ quan UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Thực hiện theo văn bản của cấp có thẩm quyền.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cơ quan, đơn vị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực tổ chức triển khai thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh, chủ động đề xuất, tham mưu thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ quản lý. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và có biện pháp quyết liệt để triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo quy định. Hướng dẫn các địa phương giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức triển khai thực hiện bầu cử (nếu có).

1. Đề nghị các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy

Theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan để chuẩn bị các nội dung và tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo cuộc bầu cử được tiến hành dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày Hội của toàn dân.

2. Đề nghị: Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh

Theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan để thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh; Ban Bầu cử đại biểu HĐND tỉnh và các nội dung có liên quan để chuẩn bị các nội dung và tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Nội vụ

a) Chủ trì tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và cơ quan có thẩm quyền.

b) Là cơ quan thường trực Ủy ban bầu cử tỉnh, có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ về công tác bầu cử; theo dõi, kiểm tra nắm tình hình về bầu cử, tổng hợp kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Tài chính tỉnh lập dự toán, phân bổ kinh phí bầu cử cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; in ấn, phân phối các tài liệu, biểu mẫu, các loại dấu phục vụ cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

d) Tổ chức tổng kết và hướng dẫn về thi đua khen thưởng trong việc triển khai bầu cử trên địa bàn tỉnh.

đ) Triển khai các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Thanh tra tỉnh

Hướng dẫn việc kê khai tài sản đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các nội dung liên quan đến công tác bầu cử theo quy định và thực hiện các nội dung khác theo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Sở Tài chính

Trên cơ sở nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ và khả năng cân đối ngân sách địa phương, chủ trì, phối hợp với sở, ngành, UBND các xã, phường phân bổ

kinh phí phục vụ công tác bầu cử theo quy định; hướng dẫn lập dự toán, thanh quyết toán theo quy định và thực hiện các nội dung khác theo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng phương án và đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trước trong và sau ngày bầu cử trên địa bàn tỉnh.

b) Cung cấp số liệu dân số của tỉnh và 75 xã, phường làm căn cứ, cơ sở xác định số lượng đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND các xã, phường được bầu.

c) Cung cấp số liệu công dân sinh từ ngày 15 tháng 3 năm 2008 trở về trước (*trừ trường hợp quy định tại Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015*) làm cơ sở để xác định số liệu cử tri trên địa bàn tỉnh.

d) Thực hiện các nội dung khác theo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trước trong và sau ngày bầu cử trên địa bàn tỉnh

b) Thực hiện các nội dung khác theo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh hoặc Ủy ban bầu cử tỉnh ban hành Kế hoạch thông tin tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền kịp thời, sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử; quyền ứng cử, quyền bầu cử của công dân theo quy định của Hiến pháp; các nội dung cơ bản của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; góp phần nâng cao ý thức làm chủ, tinh thần tự giác của mọi công dân, cơ quan, tổ chức trong thực hiện công tác bầu cử.

9. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Xác định đơn vị hành chính xã, phường miền núi để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu HĐND xã, phường được bầu trong nhiệm kỳ 2026 - 2031.

10. Các sở, ban, ngành; các cơ quan, đơn vị

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường để tổ chức triển khai thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 đảm bảo tiến độ theo kế hoạch.

11. Công ty Điện lực Sơn La

Đảm bảo cung ứng điện trong đợt bầu cử, nhất là trong ngày bầu cử và sau bầu cử để tổ chức bầu cử và tổng hợp số liệu bầu cử.

12. Công ty Cổ phần Môi trường và dịch vụ đô thị Sơn La

Chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể chỉnh trang đường phố, vệ sinh môi trường trong quá trình chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử, đặc biệt trước và trong ngày bầu cử - ngày 15 tháng 3 năm 2026.

13. UBND các xã, phường

a) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác bầu cử trên địa bàn.

b) Tổ chức thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương đảm bảo đúng cơ cấu, thành phần và thời gian theo quy định.

c) Tổ chức thực hiện các nội dung theo thẩm quyền được quy định ở Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và văn bản quy định của pháp luật.

d) Đảm bảo kinh phí và điều kiện cơ sở vật chất khác phục vụ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả và đúng tiến độ. Trong quá trình triển khai nếu có những vấn đề vướng mắc phát sinh phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) điện thoại cơ quan: 02123.853.704; Fax: 0223.855.743 để kịp thời giải quyết./.

Phụ lục
MỐC THỜI GIAN VÀ CÁC CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH TRONG CUỘC
BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Cơ quan, đơn vị Quyết định	Cơ quan/đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh, xã				
1.1	<i>Thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh</i>	Trước ngày 27/11/2025	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	
1.2	<i>Thành lập Ủy ban bầu cử xã/phường</i>		UBND xã, phường	Phòng Văn hoá - Xã hội/ Phòng Kinh tế - Văn hoá - Xã hội	
2	Công bố số lượng, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử	-	-	Thường trực HĐND tỉnh, xã	
2.1	<i>Công bố số lượng, danh sách các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử</i>	Sau khi ĐBCQG ấn định	UBBC tỉnh	Sở Nội vụ	
2.2	<i>Công bố số lượng, danh sách các đơn vị bầu cử đại biểu HĐND tỉnh và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử</i>	Chậm nhất ngày 25/12/2025	UBBC tỉnh	Sở Nội vụ	
2.3	<i>Công bố số lượng, danh sách các đơn vị bầu cử đại biểu HĐND cấp xã và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử</i>		UBBC xã, phường	Phòng Văn hoá - Xã hội/Phòng Kinh tế - Văn hoá - Xã hội	

3	Thông báo thời gian, địa điểm nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp	Chậm nhất ngày 01/02/2026	UBBC tỉnh, xã/phường	Sở Nội vụ, Phòng Văn hoá - Xã hội/Phòng Kinh tế - Văn hoá - Xã hội	
4	Thành lập Ban bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031				
4.1	Thành lập Ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI	Trước ngày 01/01/2026	UBND tỉnh	Sở Nội vụ	
4.2	Thành lập Ban bầu cử đại biểu HĐND tỉnh		UBND xã/phường	Phòng Văn hoá - Xã hội/Phòng Kinh tế - Văn hoá - Xã hội	
4.3	Thành lập Ban bầu cử đại biểu HĐND xã/phường		UBND xã/phường	Phòng Văn hoá - Xã hội/Phòng Kinh tế - Văn hoá - Xã hội	
5	Chia khu vực bỏ phiếu	Trước khi thành lập Tổ bầu cử	UBND xã/phường	Phòng Văn hoá - Xã hội/Phòng Kinh tế - Văn hoá - Xã hội	
6	Thành lập Tổ bầu cử	Trước ngày 25/01/2026	UBND xã/phường	Phòng Văn hoá - Xã hội/Phòng Kinh tế - Văn hoá - Xã hội	
7	Kế hoạch tập huấn nghiệp vụ công tác bầu cử	Thực hiện theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	UBBC tỉnh	Sở Nội vụ	
8	Lập và niêm yết danh sách cử tri	Chậm nhất ngày 03/02/2026	UBND xã/phường	UBND xã/phường	
9	Công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND cấp tỉnh, xã/phường				
9.1	Công bố danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh	Chậm nhất ngày 27/02/2026	UBBC tỉnh công bố theo quyết định	Sở Nội vụ	

9.2	Công bố danh sách người ứng cử đại biểu HĐND cấp tỉnh, xã/phường	Chậm nhất ngày 26/02/2026	UBBC tỉnh, xã/phường	Sở Nội vụ; Phòng Văn hoá - Xã hội/Phòng Kinh tế - Văn hoá - Xã hội		
10	Niêm yết danh sách chính thức và tiểu sử tóm tắt những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và HĐND tỉnh, xã/phường	Chậm nhất ngày 27/02/2026	Tổ bầu cử	Tổ bầu cử		
11	NGÀY BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XIV VÀ ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 -2031 <i>(Ngày Chủ nhật 15/3/2026)</i> <i>Bắt đầu từ bảy giờ sáng (07h00) đến bảy giờ tối cùng ngày (19h). Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng (05h00) hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá chín giờ tối (21h00) cùng ngày.</i>					
12	Công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu HĐND tỉnh; xã/phường	Chậm nhất ngày 25/3/2026	Ủy ban bầu cử tỉnh; xã/phường	Sở Nội vụ; Phòng Văn hoá - Xã hội/Phòng Kinh tế - Văn hoá - Xã hội		
13	Công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI	Chậm nhất ngày 25/3/2026	Hội đồng bầu cử Quốc gia	-		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2279/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng
trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh
sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 729/TTr-STC ngày 27 tháng 8 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Sơn La trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Sơn La về Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Sơn La trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với
doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Sơn La trong việc: Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
2. UBND các xã, phường (sau đây gọi chung là UBND cấp xã);
3. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương có trụ sở trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. *Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc tuân thủ pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. *Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. *Cơ quan chức năng* là các cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này.

7. *Đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp* bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phụ thuộc doanh nghiệp.

Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Khắc phục tình trạng chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

d) Thúc đẩy sự tham gia giám sát của xã hội đối với hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh

ng nghiệp. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mọi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra phải luôn tuân theo pháp luật, đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; Đảm bảo mỗi đối tượng được thanh tra, kiểm tra chỉ không quá một lần trong năm, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng; kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra.

4. Việc phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tuân thủ các quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan; không làm phát sinh thủ tục hành chính cho đối tượng thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Chương II

PHỐI HỢP TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 6. Nội dung thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. “Thông tin đăng ký” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: tên; mã số; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập; người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. “Thông tin về tình trạng hoạt động” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm các tình trạng: đang hoạt động; đang làm thủ tục giải thể; đã giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; tạm ngừng kinh doanh; đã chấm dứt hoạt động (*đối với đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp*).

3. “Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh” của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. “Thông tin về xử lý vi phạm” đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Quyết định thanh tra, kiểm tra; kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Sở Tài chính là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp lưu trữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, thông tin đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp đăng ký và hoạt động trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh có thể đề nghị Sở Tài chính cung cấp thông tin về đăng ký của doanh nghiệp do Phòng Quản lý doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh thuộc Sở cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh với mục tiêu phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính; thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp được lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác về phòng, chống rửa tiền và không phải trả phí.

Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo cho Sở Tài chính theo quy định để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

2. Sở Tài chính là đầu mối công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp do Phòng Quản lý doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh thuộc Sở cấp trên địa bàn tỉnh. Nội dung thông tin công khai gồm:

a) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp;

c) Tên mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể;

d) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp đã chấm dứt hoạt động.

3. UBND cấp xã chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện cung cấp và công khai thông tin đăng ký các hộ kinh doanh do mình cấp trên địa bàn quản lý gồm:

a) Tên hộ kinh doanh;

b) Mã số hộ kinh doanh;

c) Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trên cơ sở khai thác từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính thường xuyên đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm đến doanh nghiệp yêu cầu giải trình hoặc tiến hành kiểm tra để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; cập nhật tình trạng hoạt động của doanh nghiệp lên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh khi ban hành các văn bản dưới đây, có trách nhiệm đồng thời gửi cho Sở Tài chính và UBND cấp xã nơi doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký trụ sở chính:

a) Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh, xử lý vi phạm về hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh;

b) Quyết định đình chỉ hoạt động kinh doanh, quyết định chấm dứt việc đình chỉ hoạt động kinh doanh;

c) Văn bản thông báo việc doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh có vi phạm pháp luật về thuế.

4. UBND cấp xã là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của hộ kinh doanh thuộc địa bàn quản lý trên cơ sở khai thác thông tin từ Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Đối với hộ kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Cơ quan thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm đến hộ kinh doanh yêu cầu giải trình hoặc tiến hành kiểm tra để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm:

a) Chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao

đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Tài chính, Cơ quan thuế và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình;

b) Thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành với các thông tin cơ bản quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này;

c) Tăng cường trao đổi thông tin doanh nghiệp, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp.

2. Trao đổi thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp:

Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp được nộp đến cơ quan quản lý thuế tiếp nhận, lưu trữ theo quy định của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế. Việc sử dụng, cung cấp thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết, cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp trong việc kiểm soát báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định.

3. Chia sẻ thông tin đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động:

Sở Tài chính chia sẻ thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và thông tin về tổng số lao động dự kiến, ngành, nghề kinh doanh, phương thức đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện được thành lập trên địa bàn và thông tin sau đăng ký thay đổi cho cơ quan bảo hiểm xã hội, Sở Nội vụ và Bộ Nội vụ để phục vụ quản lý nhà nước về lao động.

4. UBND cấp xã chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã phối hợp với các cơ quan chuyên môn cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý gửi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối công khai thông tin về các doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư; thông báo cho Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của doanh nghiệp để xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm công khai trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan thông tin về doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

3. Các cơ quan chức năng, chuyên môn khác có trách nhiệm công khai trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh có vi phạm thuộc lĩnh vực quản lý, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Các thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

4. UBND cấp xã công khai trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan thông tin về hộ kinh doanh trên địa bàn có hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh, đã bị cơ quan có thẩm quyền cấp xã xử phạt vi phạm hành chính. Các thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh và hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp qua mạng điện tử kết nối giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý. Trong trường hợp cần thiết theo nhu cầu quản lý và sử dụng thông tin hoặc do yếu tố kỹ thuật, các bên có thể trao đổi thông tin qua thư điện tử (email), truyền tập tin (file) dữ liệu điện tử hoặc các hình thức khác.

2. Việc công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh được thực hiện trên Cổng Thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia (<http://dangkykinhdoanh.gov.vn>), Cổng Thông tin điện tử của Sở Tài chính (<http://sotaichinh.sonla.gov.vn/>) và Cổng Thông tin điện tử của các cơ quan chức năng quản lý khác.

3. Căn cứ yêu cầu quản lý cụ thể, cơ quan chức năng có thể yêu cầu Sở Tài chính cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp bằng văn bản hoặc bằng thông tin điện tử thông qua hộp thư điện tử.

Chương III

PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH, XÁC MINH, XỬ LÝ VI PHẠM, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, xác minh, xử lý vi phạm, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm:

- a) Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
- b) Phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong xác minh, xử lý vi phạm bao gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp, hộ kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.

3. Nội dung phối hợp trong thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh và thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh của tỉnh trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã; theo dõi, tổng hợp Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã được phê duyệt của các cơ quan để báo cáo UBND tỉnh.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung của Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của tỉnh.

Thanh tra tỉnh chủ trì việc rà soát, xử lý chồng chéo trong kế hoạch thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh; chủ động cung cấp thông tin, trao đổi với Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước về dự kiến Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; phối hợp xử lý chồng chéo giữa Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh với các cơ quan quản lý chuyên ngành Trung ương; sắp xếp, xác định cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp đối với các cuộc thanh tra, kiểm tra có trùng lặp về đối tượng.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp triển khai xây dựng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hàng năm trong phạm vi chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong kế hoạch kiểm tra hàng năm của mình, các cơ quan phải xác định cụ thể doanh nghiệp, hộ kinh doanh dự kiến kiểm tra;

Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các cơ quan gửi Kế hoạch kiểm tra năm sau liền kề của mình cho Thanh tra tỉnh. Căn cứ vào định hướng, chương trình kế hoạch công tác của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh tổng hợp nhu cầu kiểm tra của các cơ quan theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quy chế này, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Chủ động rà soát, đối chiếu Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh dự kiến của cơ quan mình với Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp của tỉnh, để kịp thời phát hiện sự trùng lặp về đối tượng kiểm tra đồng thời đề xuất với Thanh tra tỉnh biện pháp phối hợp thực hiện.

Trường hợp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh khi nhận được thông báo, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoặc yêu cầu làm việc của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước có liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp thì phải báo cáo UBND tỉnh biết (kèm theo danh sách doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra) để chỉ đạo kịp thời, đồng thời gửi Thanh tra tỉnh để theo dõi và thông báo danh sách các doanh nghiệp được Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước tiến hành thanh tra, kiểm tra để các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh biết, không tiến hành kiểm tra. Đồng thời kế thừa kết quả thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước.

3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa phương có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp về đối tượng; gửi cho Thanh tra tỉnh để tổng hợp, theo dõi; đồng thời thông báo cho các cơ quan có trùng lặp về đối tượng biết để phối hợp thực hiện.

Điều 14. Phối hợp tổ chức thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo đúng quy định của pháp luật (không quá 01 lần/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong 01 (một) đợt thanh tra, kiểm tra. Trừ trường hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có các vi phạm/dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng cần thiết tiến hành thanh tra để đánh giá, xem xét nội dung vi phạm và các vấn đề liên quan đến trách nhiệm lãnh đạo, quản lý.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo kế hoạch kiểm tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nếu kiểm tra không đúng đối tượng, không đúng kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Thủ trưởng cơ quan quyết định phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật.

3. Đối với các cuộc thanh tra hoặc kiểm tra độc lập, các cơ quan tiến hành thanh tra, kiểm tra đúng theo quy định của pháp luật. Trường hợp phải thành lập đoàn thanh tra liên ngành, Thanh tra tỉnh có trách nhiệm chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ, công chức tham gia. Kết quả thanh tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, UBND tỉnh giao một cơ quan chủ trì hoặc các cơ quan liên quan thống nhất cử 01 (một) cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ, công chức tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ

kinh doanh trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

4. Trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu có vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thì các cơ quan có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

6. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra đảm bảo nội dung và tiến độ; đảm bảo khi tiến hành kiểm tra phải có quyết định của người có thẩm quyền; không kiểm tra kéo dài; tránh tình trạng kết thúc kiểm tra chậm ban hành kết luận, kết luận không rõ; thực hiện nghiêm túc quy định công khai kết quả kiểm tra và xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên cổng thông tin điện tử của các sở, ngành, xã, phường để phòng ngừa chung và đảm bảo điều kiện nhân dân giám sát hoạt động kiểm tra của nhà nước.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xác minh, xử lý vi phạm

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác, cơ quan chức năng quyết định đình chỉ hoạt động, xử phạt hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh. Đồng thời gửi thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh để xử lý theo chức năng quản lý ngành.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, hoạt động, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; Thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

đã chấp hành xong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. UBND cấp xã chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý chấp hành quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành và chấp hành thực hiện việc tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo thông báo và yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, UBND cấp xã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền đề xử lý.

5. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp doanh nghiệp, hộ kinh doanh cùng phối hợp và xử lý theo quy định pháp luật về thuế đối với các nội dung quy định tại Điều này.

6. Các cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức kiểm tra doanh nghiệp phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra xác minh lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm. Việc xử lý vi phạm tuân thủ đúng quy định của pháp luật đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, không làm cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (Phòng Quản lý doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính) có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp; UBND cấp xã có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký của hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền tương ứng.

2. Khi xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định phải bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, các cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng.

Trường hợp nhận được thông tin về doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm thuộc trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, nếu cần phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được thể hiện bằng văn bản để làm căn cứ xử lý, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký. Trách nhiệm cụ thể:

a) UBND cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý;

b) Cơ quan quản lý thuế trực tiếp có trách nhiệm xác định doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm ngừng hoạt động kinh doanh (01 năm đối với doanh nghiệp, quá 06 tháng liên tục đối với hộ kinh doanh) mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế thuộc diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký;

c) Cơ quan quản lý thuế, cơ quan hải quan có trách nhiệm xác định doanh nghiệp nợ thuế thuộc diện phải áp dụng cưỡng chế thuế theo quy định Luật Quản lý thuế bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh.

d) Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ xác minh nội dung kê khai giả mạo trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn tỉnh khi có đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc các tổ chức, cá nhân khác.

đ) Các cơ quan chức năng, chuyên môn khác có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý ngành; Xác minh, trả lời cho các tổ chức, cá nhân về bản sao văn bản, giấy tờ do cơ quan mình cấp bị giả mạo để làm cơ sở xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;

e) Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng bị cấm thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và quản lý

doanh nghiệp theo quy định Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh tổ chức, đơn vị thuộc diện bị cấm; xác minh lý lịch của người bị cấm.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời gửi quyết định cho cơ quan đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hộ kinh doanh đặt trụ sở chính.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

a) Công tác trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Kết quả công tác xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài;

d) Kết quả thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm bị xử lý thu hồi;

đ) Các nội dung có liên quan khác (nếu có).

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong công tác báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Các cơ quan quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và địa bàn quản lý; tình hình thực hiện phối hợp theo các nội dung quy định tại Quy chế này của năm liền trước. Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

2. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các Điểm a, c và d khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

4. Hàng năm, Sở Tài chính phối hợp với Thanh tra tỉnh dự thảo văn bản trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này (khi có yêu cầu).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Cơ quan thuế và các cơ quan chức năng khác tham mưu cho UBND tỉnh trong quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này;

b) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, thực hiện kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hàng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã và các nhiệm vụ cụ thể nêu trong Quy chế này;

c) Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng báo cáo UBND tỉnh.

2. Thanh tra tỉnh

a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, thực hiện kế hoạch thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh hàng năm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã và các nhiệm vụ cụ thể nêu trong Quy chế này;

b) Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng báo cáo UBND tỉnh.

3. Chi cục Quản lý thị trường tỉnh

a) Tổ chức rà soát, kiểm tra thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhằm kịp thời phát hiện các dấu hiệu gian lận, sai phạm trong giai đoạn hoạt động, đặc biệt là các ngành nghề có điều kiện, ngành nghề dễ phát sinh vi phạm;

b) Áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo thẩm quyền và đề xuất xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm nghiêm trọng, tái phạm; đồng thời thông báo cho Sở Tài chính, UBND cấp xã (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) về doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm.

4. Các cơ quan chức năng thuộc tỉnh

a) Chủ động, phối hợp với Sở Tài chính, Cơ quan thuế cập nhật thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước vào cơ sở dữ liệu riêng (nếu có) của cơ quan, đơn vị mình đảm bảo thông tin đầy đủ, thường xuyên, liên tục;

b) Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước chuyên ngành đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành; Tổ chức thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự, giấy phép hoạt động đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc nhiệm vụ và lĩnh vực ngành quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý các doanh nghiệp vi phạm quy định của pháp luật. Thông báo cho Sở Tài chính, UBND cấp xã (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) về doanh nghiệp, hộ kinh doanh không đủ điều kiện kinh doanh, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực quản lý và các nhiệm vụ cụ thể tại Quy chế này đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

5. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo lực lượng chức năng xác minh, điều tra và xử lý theo quy định khi kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Phối hợp xác minh theo đề nghị của cơ quan chức năng về nhân thân của: người thành lập doanh nghiệp; người góp vốn, mua cổ phần trong doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú và tham gia vào các hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cùng các nhiệm vụ khác nêu trong Quy chế này.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo thẩm quyền, thực hiện các giải pháp về phát triển hộ kinh doanh trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh hoạt động trên phạm vi địa bàn; định kỳ báo cáo Cơ quan đăng ký

kinh doanh thuộc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan về tình hình đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

c) Cung cấp thông tin về đăng ký hộ kinh doanh trên phạm vi địa bàn cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật; Trực tiếp theo dõi, kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo dõi, kiểm tra hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh và theo các nhiệm vụ cụ thể trong Quy chế này đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Điều 20. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan căn cứ Quy chế để chủ động thực hiện và phối hợp theo quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2280/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành danh mục Quyết định của UBND tỉnh
quy định chi tiết các nội dung được Luật giao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 145/TTr-STP ngày 05 tháng 9 năm 2025; Báo cáo số 495/BC-STP ngày 04 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được luật giao (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Các sở, ngành được phân công chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được văn bản quy phạm pháp luật cấp Trung ương giao, bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

DANH MỤC

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC LUẬT GIAO

(Kèm theo Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 09/09/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Tên văn bản giao quy định chi tiết	Ngày có hiệu lực	Nội dung giao quy định chi tiết (cụ thể các điều, khoản, điểm giao chi tiết)	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời hạn trình
Luật Hóa chất số 69/2025/QH15	01/01/2026	Khoản 4 Điều 35: “UBND cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện quy định về khoảng cách an toàn đối với công trình hóa chất hoạt động trên địa bàn trước ngày quy chuẩn kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều này có hiệu lực mà không đáp ứng khoảng cách an toàn”	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV năm 2025
Luật Tham gia gìn giữ hòa bình của Liên Hợp quốc số 92/2025/QH15	01/01/2026	Khoản 3 Điều 13: “UBND cấp tỉnh quy định về tổ chức, biên chế, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ thuộc Bộ, Ban, ngành, UBND cấp tỉnh tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc”	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV năm 2025
		Khoản 2 Điều 14: “UBND cấp tỉnh quy định điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn đối với lực lượng thuộc phạm vi quản lý của mình, đáp ứng yêu cầu của Liên hợp quốc theo từng đơn vị, vị trí tuyển chọn”	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	
		Khoản 2 Điều 15: “UBND cấp tỉnh quy định chương trình, thời gian đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng lực lượng thuộc	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV năm 2025

Tên văn bản giao quy định chi tiết	Ngày có hiệu lực	Nội dung giao quy định chi tiết (cụ thể các điều, khoản, điểm giao chi tiết)	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời hạn trình
		phạm vi quản lý của mình đáp ứng yêu cầu của Liên hợp quốc”			
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15	01/01/2026	Khoản 3 Điều 32: “UBND tỉnh, thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật” (được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15)	Các sở, ngành tham mưu xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV năm 2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 2297/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục địa điểm được tổ chức Hội chợ,
triển lãm thương mại và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức Hội chợ,
triển lãm trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 251/TTr-SCT ngày 04 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục địa điểm được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026.

(có Phụ lục danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Công Thương công khai Danh mục địa điểm tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và lĩnh vực ưu tiên tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026 trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và trên Website của Sở Công Thương. Tiếp nhận hồ sơ và xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trên địa bàn tỉnh theo quy định. Trường hợp có bổ sung hoặc điều chỉnh về địa điểm tổ chức hội chợ trong danh mục đã công bố, UBND các xã, phường đề nghị Sở Công Thương xem xét, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và thương nhân đăng ký tổ chức hội chợ triển lãm thương mại trên địa bàn tỉnh Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

Phụ lục
DANH MỤC
ĐỊA ĐIỂM ĐƯỢC TỔ CHỨC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI
VÀ LĨNH VỰC ƯU TIÊN ĐƯỢC TỔ CHỨC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA NĂM 2026

STT	Địa điểm tổ chức	Lĩnh vực ưu tiên
1	Phường Chiềng An	
	Khu đô thị Pidenza Riverside	Hội chợ triển lãm thương mại, trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm của địa phương
2	Xã Mai Sơn	
	Sân Bóng Trung tâm xã	Hội chợ thương mại tổng hợp; Trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm của địa phương
3	Xã Phiêng Păn	
	Trung tâm xã	Hội chợ thương mại tổng hợp; đưa hàng Việt về nông thôn
4	Xã Phiêng Cầm	
	Sân Chợ Trung tâm xã	Hội chợ thương mại tổng hợp; đưa hàng Việt về nông thôn
5	Xã Phiêng Khoài	
	Sân Bóng bản Kim chung 2	Hội chợ thương mại tổng hợp; đưa hàng Việt về nông thôn
6	Phường Thảo Nguyên	
	Trung tâm phường	Hội chợ triển lãm hàng nông, lâm thủy sản, thực phẩm chế biến; các sản phẩm hàng hóa đặc trưng của các vùng, miền trong nước
7	Xã Tân Yên	
	Sân Nhà văn hóa Bản Hoa, Sân Bóng bản Nà Mường	Hội chợ thương mại tổng hợp; Trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm của địa phương
8	Xã Vân Hồ	
	Sân Vận động bản Pa Kha	Hội chợ thương mại tổng hợp; Trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm của địa phương
9	Xã Bắc Yên	
	Sân Vận động xã	Thương mại dịch vụ - tổng hợp

STT	Địa điểm tổ chức	Lĩnh vực ưu tiên
10	Xã Tạ Khoa	
	Sân Bóng bản Khoa	Hội chợ thương mại tổng hợp; đưa hàng Việt về nông thôn
11	Xã Pắc Ngà	
	Sân Bóng đá trung tâm	Hội chợ thương mại tổng hợp; Triển lãm trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm của địa phương
12	Xã Tường Hạ	
	Trung tâm xã	Hội chợ thương mại tổng hợp; đưa hàng Việt về nông thôn
13	Xã Mường Cơi	
	Trung tâm xã	Hội chợ thương mại tổng hợp; đưa hàng Việt về nông thôn
14	Xã Mường Bang	
	Sân Vận động xã	Hội chợ thương mại tổng hợp; đưa hàng Việt về nông thôn
15	Xã Sông Mã	
	Trung tâm xã	Hội chợ thương mại tổng hợp; Triển lãm trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm của địa phương
16	Xã Chiềng Sơ	
	Sân Bóng bản Nà Cầm II	Nông nghiệp – Đồ gia dụng
17	Xã Mường Lầm	
	Trung tâm xã	Hội chợ thương mại tổng hợp; đưa hàng Việt về nông thôn
18	Xã Nậm Ty	
	Sân bóng Bản Pàn	Hội chợ thương mại tổng hợp; Trưng bày, giới thiệu, quảng bá sản phẩm của địa phương
19	Xã Sốp Cộp	
	Sân Vận động Trung tâm xã	Hội chợ Thương mại tổng hợp; Hàng tiêu dùng thiết yếu
20	Xã Púng Bánh	
	Sân Vận động Trung tâm xã	Hội chợ Thương mại tổng hợp; Hàng tiêu dùng thiết yếu

STT	Địa điểm tổ chức	Lĩnh vực ưu tiên
21	Xã Mường Lạn	
	Sân Bóng đá bản Phiêng Pen	Thương mại, dịch vụ tổng hợp – Nông nghiệp
22	Xã Mường É	
	Sân Bóng bản Phát Chập	Hội chợ Thương mại tổng hợp; Hàng tiêu dùng thiết yếu
23	Xã Nậm Lầu	
	Sân nhà văn hóa bản Phạ	Hội chợ Thương mại tổng hợp; Hàng tiêu dùng thiết yếu
24	Xã Thuận Châu	
	Sân Vận động trung tâm xã	Hội chợ Thương mại tổng hợp; Hàng tiêu dùng thiết yếu
25	Xã Muối Nọi	
	Sân Vận động bản Nam Tiến	Hội chợ Thương mại tổng hợp; Hàng tiêu dùng thiết yếu
26	Xã Chiềng La	
	Sân Thể thao UBND xã	Hội chợ Thương mại tổng hợp; Hàng tiêu dùng thiết yếu
27	Xã Mường Sại	
	Sân nhà Văn hóa bản Nong	Hội chợ hàng tiêu dùng thiết yếu, hàng Việt Nam chất lượng cao
28	Xã Mường Bú	
	Chợ Trung tâm xã	Các sản phẩm nông sản được chứng nhận OCOP, VietGap, hàng tiêu dùng thiết yếu
29	Xã Chiềng Lao	
	Sân chợ Trung tâm Bản Nhạp	Vật tư nông nghiệp, thiết bị sơ chế nông sản
30	Xã Ngọc Chiến	
	Chợ bản Lướt	Hội chợ thương mại tổng hợp; các sản phẩm nông sản, văn hóa, du lịch, dịch vụ của địa phương;

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2299/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 148/TTr-STP ngày 08 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2299/QĐ-UBND
ngày 10/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15 đã được Quốc hội Khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 9 ngày 25 tháng 6 năm 2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 (sau đây gọi là Luật).

Nhằm triển khai thi hành Luật kịp thời, thống nhất và hiệu quả theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định cụ thể nội dung công việc, thời gian, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật bảo đảm kịp thời, thống nhất và hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Luật, trong đó xác định rõ trách nhiệm, cơ chế phối hợp của cơ quan, đơn vị, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn và chất lượng.

c) Tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong giai đoạn hiện nay.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Luật.

b) Xác định nội dung công việc phải đầy đủ, cụ thể thời hạn, tiến độ hoàn thành, kết quả đầu ra, gắn với trách nhiệm thực hiện phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức.

c) Phát huy trách nhiệm, tính chủ động, tích cực của các sở, ngành, UBND các xã, phường; đồng thời bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật.

d) Có lộ trình cụ thể để đảm bảo kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính được triển khai thi hành đầy đủ, thống nhất, đồng bộ trên địa bàn tỉnh.

đ) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời giải quyết vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để đảm bảo tiến độ, hiệu quả của việc triển khai thi hành Luật.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức hội nghị triển khai thi hành Luật

a) Ở cấp tỉnh

Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức hội nghị quán triệt việc thi hành Luật cho các cơ quan, đơn vị của HĐND, UBND cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Hình thức tổ chức: Trực tiếp hoặc trực tuyến *(phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương)*.
- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2025.

b) Ở các xã, phường

Tổ chức hội nghị quán triệt việc thi hành Luật cho các cơ quan, đơn vị của HĐND, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan hình thức phù hợp với từng đơn vị.

- Cơ quan chủ trì: UBND các xã, phường.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Hình thức tổ chức: Trực tiếp hoặc trực tuyến *(phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương)*.
- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 3 tháng 12 năm 2025 và hằng năm.

2. Tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật

- Cơ quan chủ trì: Các sở, ngành; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND các xã, phường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Báo Sơn La.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

3. Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với Luật

a) Rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp (*làm đầu mối tổng hợp kết quả rà soát, đề xuất của các sở, ngành; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, báo cáo UBND tỉnh đối với các văn bản do các cơ quan Trung ương ban hành*). Thực hiện rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý III, Quý IV năm 2025.

- Sản phẩm: Báo cáo kết quả rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật về Sở Tư pháp đề tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ đối với các văn bản do các cơ quan Trung ương ban hành, trình Chủ tịch UBND tỉnh đối với văn bản do địa phương ban hành.

b) Xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2025.

c) Trong quá trình triển khai thi hành Luật, trường hợp phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật có vướng mắc, bất cập thì các sở, ban, ngành; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan đề xuất, xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với Luật.

4. Tổ chức tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ

Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức 01 Hội nghị tập huấn chuyên sâu và bồi dưỡng nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác xử lý vi phạm hành chính tại các sở, ngành; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.

- Hình thức thực hiện: Phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2025 và các năm tiếp theo.

5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của mình cho cơ quan chuyên môn khác thuộc UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, công chức chuyên môn thuộc UBND các xã, phường.

- Cơ quan thực hiện: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.
- Hình thức thực hiện: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Sở Tư pháp tham mưu giúp UBND tỉnh kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính ở địa phương.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

b) Các sở, ngành; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường kiểm tra công tác thi hành pháp luật ở ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hằng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nhiệm vụ của cấp tỉnh

Sở Tư pháp lập dự toán kinh phí triển khai các nội dung theo Kế hoạch gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch trong năm 2025 được giao tại Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Đối với nhiệm vụ của cấp xã

Do ngân sách cấp xã đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ngành; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và Chủ tịch UBND các xã, phường chủ động, tích cực

triển khai thực hiện kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm.

2. Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, các sở, ngành; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và Chủ tịch UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thi hành Luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để phối hợp giải quyết và gửi báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tư pháp.

3. Sở Tài chính, Sở Nội vụ và UBND các xã, phường bảo đảm kinh phí, nguồn nhân lực để triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của các sở, ngành, địa phương.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan khác có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2307/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 11 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch tổng kết 15 năm thi hành
Luật Nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 1416/QĐ-BTP ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 150/TTr-STP ngày 08 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tư pháp, Y tế; Giám đốc Công an tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Kèm theo Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 11/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 1416/QĐ-BTP ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi; Công văn số 4527/BTP-HCTP ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Bộ Tư pháp về việc thực hiện Kế hoạch tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi. UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Sơn La với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá khách quan, toàn diện những kết quả đã đạt được, những tồn tại hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thi hành Luật Nuôi con nuôi. Trên cơ sở đó, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Nuôi con nuôi để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trên thực tiễn và bảo đảm phù hợp với chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết cần thực hiện một cách nghiêm túc, toàn diện từ cấp tỉnh đến cấp xã; bảo đảm đúng mục đích và tiến độ đề ra, tiết kiệm và hiệu quả;
- Nội dung tổng kết bảo đảm bám sát các quy định của Luật Nuôi con nuôi; phản ánh đúng tình hình thực tế và những yêu cầu đặt ra trong quá trình thực hiện;
- Phân công nhiệm vụ phù hợp với chức năng, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức tổng kết;
- Kết quả tổng kết tại địa phương được xây dựng thành Báo cáo gửi về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG, HÌNH THỨC TỔNG KẾT

1. Phạm vi

- Tổng kết thực tiễn 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi trên phạm vi toàn tỉnh;
- Mốc thời gian tổng kết tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2025.

2. Nội dung

2.1. Đánh giá kết quả thi hành Luật Nuôi con nuôi, gồm các nội dung:

- Kết quả chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Luật Nuôi con nuôi;
- Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về nuôi con nuôi;
- Kết quả giải quyết nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài;
- Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các văn bản chỉ đạo liên quan đến phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, đơn giản hoá thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực nuôi con nuôi;
- Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, lưu trữ hồ sơ nuôi con nuôi.

2.2. Đánh giá những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong quá trình thi hành Luật Nuôi con nuôi.

2.3. Kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm tiếp tục triển khai có hiệu quả Luật Nuôi con nuôi trong thời gian tiếp theo.

3. Hình thức tổng kết

- Việc tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi được thực hiện bằng hình thức văn bản (*xây dựng báo cáo tổng kết*).
- Các sở, ngành; UBND các xã, phường xây dựng Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi theo Đề cương gửi kèm, gửi về Sở Tư pháp trước ngày 22 tháng 9 năm 2025 để tổng hợp (*có Đề cương tại các Phụ lục kèm theo*).

Trên cơ sở báo cáo tổng kết của các Sở, ngành và địa phương, Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh; hoàn thành trước ngày 27 tháng 9 năm 2025.

III. KINH PHÍ

Kinh phí tổ chức tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi ở các sở, ngành và địa phương được lấy từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị mình và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (*nếu có*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đơn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, giám sát và kịp thời báo cáo về khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch này;

- Tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh ban hành trước ngày 27 tháng 9 năm 2025.

2. Toà án nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Sở Y tế

Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình, trong đó tập trung những nội dung theo Đề cương tại Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch và gửi về Sở Tư pháp trước ngày 22 tháng 9 năm 2025.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tùy theo tình hình thực tế của địa phương, tổ chức tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi bằng hình thức phù hợp.

- Xây dựng báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trong đó tập trung những nội dung theo Đề cương tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch, gửi Sở Tư pháp trước ngày 22 tháng 9 năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi trên địa bàn tỉnh Sơn La. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ngành, địa phương phản ánh kịp thời về UBND tỉnh *(qua Sở Tư pháp)* để được hướng dẫn./.

Phụ lục số 01
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT 15 NĂM THI HÀNH
LUẬT NUÔI CON NUÔI TẠI CÁC SỞ, NGÀNH
(Thông tin báo cáo từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 30/9/2025)

I. Đánh giá công tác nuôi con nuôi tại sở, ngành liên quan

1. Công an tỉnh

- Đánh giá về công tác phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực nuôi con nuôi;
- Công tác xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi được cho làm con nuôi;
- Đánh giá việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với các trường hợp giải quyết việc nuôi con nuôi từ 01 tháng 7 năm 2025 (nếu có): Cụ thể số lượng thông tin đã cung cấp; khó khăn, thuận lợi (theo quy định đối với các thủ tục hành chính yêu cầu thành phần hồ sơ có *Phiếu lý lịch tư pháp quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi, điểm g khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm yêu cầu cơ quan quản lý dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính này không phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp trong hồ sơ*);
- Số liệu các vụ việc vi phạm pháp luật liên quan công tác nuôi con nuôi (năm 2020, 2021, 2023, 2024, 2025 và trước đó nếu có).

2. Tòa án nhân dân tỉnh

- Đánh giá về công tác giải quyết các vụ việc dân sự liên quan đến yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi.
- Số vụ việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến các bên trong quan hệ nuôi con nuôi (năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025 và trước đó nếu có).

3. Sở Y tế

Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Luật Nuôi con nuôi, bao gồm:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc tiếp nhận trẻ em vào cơ sở nuôi dưỡng và cho trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi;
- Chỉ đạo, hướng dẫn việc quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em, thực hiện biện pháp phòng ngừa tình trạng trẻ em bị bỏ rơi.

II. Khó khăn, vướng mắc

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi.
2. Đối với công tác hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi.
(Đề xuất rõ cần sửa đổi, bổ sung quy định nào)
3. Đối với nguồn lực dành cho việc thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi.
4. Đối với công tác phối hợp liên ngành.
5. Đề xuất, kiến nghị khác.

Phụ lục số 02**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT 15 NĂM THI HÀNH
LUẬT NUÔI CON NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**
(Thông tin báo cáo từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 30/9/2025)**Phần thứ nhất****KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NUÔI CON NUÔI****1. Về việc thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước**

- Số vụ việc nuôi con nuôi năm: 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025 và trước đó (nếu có đủ số liệu). Việc tổng hợp số liệu thực hiện tại UBND phường, xã hiện hành (ví dụ: Năm 2020 xã A giải quyết 02 hồ sơ nuôi con nuôi; xã B: 01 hồ sơ nuôi con nuôi, xã C 01 hồ sơ nuôi con nuôi. Nay 03 xã ABC nhập thành xã A thì số liệu của năm 2020 của xã A là: 04 hồ sơ);

- Đánh giá việc tuân thủ quy trình, thủ tục;

- Đánh giá ý thức pháp luật của người dân;

- Đánh giá về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi (chú ý đánh giá những thuận lợi khó khăn thời điểm trước và sau ngày 01 tháng 7 năm 2025).

2. Về việc theo dõi việc nuôi con nuôi

- Đánh giá về tình hình phát triển của trẻ em được nhận làm con nuôi;

- Về thực hiện trách nhiệm báo cáo tình hình phát triển của con nuôi.

3. Công tác lưu trữ hồ sơ nuôi con nuôi (chú ý đánh giá việc lưu trữ trước và sau thời điểm ngày 01/7/2025).

4. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết việc nuôi con nuôi

(Trong đó chú ý báo cáo làm rõ:

- Thời điểm trước ngày 01 tháng 7 năm 2025;

- Thời điểm từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến nay)

5. Thực hiện nhiệm vụ phân cấp thẩm quyền trong giải quyết và đơn giản hoá thủ tục hành chính

- Đánh giá tình hình thực hiện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025;

- Đánh giá tình hình thực hiện sau ngày 01 tháng 7 năm 2025, chú ý đánh giá các nội dung:

+ Trường hợp người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ không phải tại UBND cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi, UBND cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến đến đúng UBND cấp xã có thẩm quyền theo quy định (nếu có).

- Đối với các thủ tục hành chính yêu cầu thành phần hồ sơ có Phiếu lý lịch tư pháp quy định tại khoản 3 Điều 17 của Luật Nuôi con nuôi, điểm g khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm yêu cầu cơ quan quản lý dữ liệu lý lịch tư pháp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính này không phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp trong hồ sơ (đã phát sinh hồ sơ chưa; nếu có thì nêu thuận lợi, khó khăn...).

- Các xã thuộc huyện Vân Hồ, Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Sông Mã, Sốp Cộp (cũ - trước ngày 01 tháng 7 năm 2025) và hiện nay đánh giá thêm nội dung:

+ Việc xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi được quy định tại khoản 3 Điều 22 của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (nếu có).

+ Trình tự, thủ tục xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi thực hiện theo quy định (nếu có).

Phần thứ hai

NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Những khó khăn, tồn tại

- Khó khăn trong việc thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi (đánh giá điều kiện của người nhận con nuôi, điều kiện của trẻ em được nhận làm con nuôi, lấy ý kiến của những người liên quan, xác định nguồn gốc của trẻ em...);

- Khó khăn trong việc theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi;

- Thực trạng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mà không đăng ký việc nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền;

- Thực trạng chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật nuôi con nuôi trong quá trình đăng ký nuôi con nuôi;

- Những khó khăn, tồn tại khác.

II. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

- Quy định pháp luật chưa phù hợp, gây khó khăn cho công tác đăng ký nuôi con nuôi (nêu rõ quy định của Luật, văn bản hướng dẫn thi hành);

- Chưa có quy định pháp luật điều chỉnh các vấn đề phát sinh trong thực tiễn *(nêu rõ các vấn đề phát sinh chưa có quy định pháp luật điều chỉnh)*;
- Bối cảnh thực tế có ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi *(nêu rõ bối cảnh)*;
- Nguyên nhân khách quan khác.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Ý thức pháp luật của người dân;
- Trình độ chuyên môn của người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi;
- Sự quan tâm, dành nguồn lực thỏa đáng cho công tác đăng ký nuôi con nuôi;
- Nguyên nhân chủ quan khác.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi.
2. Đối với công tác hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi.
(Đề xuất rõ cần sửa đổi, bổ sung quy định nào)
3. Đối với nguồn lực dành cho việc thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi.
4. Đối với công tác phối hợp liên ngành.
5. Đề xuất, kiến nghị khác.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com